TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Lâm Sơn;

ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: ông Quách Thuận An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Hồ Thị Xuân H, sinh năm 1985; nơi cư trú: số 287, tổ 07, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ khác: số 250, tổ 13, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Trung Bình, sinh năm 1983; nơi cư trú: số 287, tổ 07, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Xuân H trình bày, bà H chung sống với ông B có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã A cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01, ngày đăng ký 26/3/2003. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Hồ Như Q, sinh ngày 10/4/2003 và Nguyễn Hồ Trung K, sinh ngày 03/7/2010.

Từ khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng hiện tại vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Tình

trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên không thể duy trì được quan hệ hôn nhân. Vì vậy, bà H yêu cầu ly hôn ông B, yêu cầu trực tiếp nuôi con.

Quá trình chung sống, vợ chồng có tạo lập được tài sản là căn nhà cấp 4 diện tích chung khoảng 80m^2 (ngang 0,8m dài 10m), kết cấu bê tông cốt thép, mái lợp tole, vách tường, trần la-phông, nền lát gạch men, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở được cất trên phần đất do ông B đứng giấy chứng nhận. Hiện tại, ông B đang quản lý nhà. Khi ly hôn, bà H yêu cầu chia đôi căn nhà, yêu cầu được nhận 50% giá trị căn nhà là 300.000.000 đồng theo tờ cam kết ngày 19/9/2022. Bà H không yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trung Bình trình bày, ông B thống nhất chung sống với bà H có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã A cấp chứng nhận kết hôn. Quá trình chung, ông B thống nhất vợ chồng có 02 đứa con chung. Qua yêu cầu của bà H thì ông B chấp nhận ly hôn với bà H. Đồng thời, tùy theo nguyện vọng của con, nếu có nguyện vọng sống chung với ông B thì chấp nhận trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Năm 2010, vợ chồng có xây dựng căn nhà kết cấu 4, bê-tông cốt thép ngang 8m dài 9,5m trên phần đất của cha mẹ tôi cho tôi đứng tên giấy chứng nhận. Hiện tại, tôi đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Hiện tại, ông B quản lý, sử dụng căn nhà do bà H tự ý bỏ nhà đi. Vì vậy, ông B chấp nhận chia đôi căn nhà theo chi phí đã bỏ ra đầu tư xây dựng tổng 240.000.000 đồng. Ông B chấp nhận hoàn lại cho bà H 120.000.000 đồng giá trị của phần nữa căn nhà. Tuy nhiên, ông B cũng chưa quyết định được thời gian thực hiện, tùy thuộc điều kiện, khả năng của ông B, về nợ chung thì ông B không muốn đề cập.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của bà H: giữ nguyên khởi kiện về yêu cầu ly hôn, yêu cầu trực tiếp nuôi con Nguyễn Hồ Trung K, không yêu cầu cấp dưỡng và không yêu cầu giải quyết về nuôi con Nguyễn Hồ Như Q do con đã thành niên và có khả năng lao động. Về tài sản là căn nhà thì rút lại yêu cầu giải quyết và tự thỏa thuận giao cho con.

Ý kiến của ông B: ông B chấp nhận thuận tình ly hôn với bà H và không yêu cầu trực tiếp nuôi con. Ông B thống nhất vợ chồng có tài sản chung là căn nhà, ông B mong muốn giải quyết tài sản cho xong.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: bà Hồ Thị Xuân H yêu cầu ly hôn với ông B. Phía ông B đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H và ông B.

Hiện tại, cháu Kiên sống chung bà H và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung bà H nên tiếp tục giao cháu Kiên cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không đề cập.

Bà H đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, về nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Xuân H và ông Nguyễn Trung Bình; chấp nhận bà Hồ Thị Xuân H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Hồ Trung K, sinh ngày 03/7/2010; Đình chỉ yêu cầu chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Bà H có đơn khởi kiện đối với ông B về yêu cầu ly hôn, nuôi con, yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Ông B có nơi cư trú tại xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà H, ông B đều có mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, bà H rút lại yêu cầu chia tài sản là căn nhà nên Tòa án chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về tài sản theo quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà H và ông B là vợ chồng hợp pháp, được nhà nước tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, theo lời khai của bà H và lời khai của ông B thống nhất xác định vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm, bà H và ông B thuận tình ly hôn. Đây là quyền định đoạt của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn theo quy định Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Khi ly hôn, bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con Nguyễn Hồ Trung K. Theo lời khai của bà H, nguyện vọng của trẻ thì thấy bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ, sống ổn định, gắn bó thân thiết với bà H trong thời gian vợ chồng sống ly thân, trẻ được quan tâm, chăm sóc tốt. Mặt khác, ông B có ý kiến không tranh chấp yêu cầu nuôi con, tùy vào nguyện vọng của con. Như vậy, bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con là có căn cứ.

[5] Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con Nguyễn Hồ Trung K cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Sau khi ly hôn, bà H phải tạo

điều kiện thuận lợi cho ông B thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà H và ông B không yêu cầu giải quyết về con chung Nguyễn Hồ Như Q do con đã thành niên và có khả năng lao động. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm: bà H rút lại yêu cầu chia tài sản, bà H đã thanh toán chi phí tố tụng nên bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà H và ông B thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu một nửa án phí ly hôn không có giá ngạch. Tuy nhiên, bà H tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: bà Hồ Thị Xuân H và ông Nguyễn Trung Bình.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01, ngày đăng ký 26/3/2003 của Ủy ban nhân dân xã A cấp, không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao con Nguyễn Hồ Trung K, sinh ngày 03/7/2010 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con; Ông B không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện của bà H về yêu cầu ông B chia tài sản là căn nhà trên phần đất diện tích 141,8m^2, tọa lạc xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận số CS05428 ngày 29/3/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Trung Bình, nếu có tranh chấp thì đương sự có quyền thỏa thuận, khởi kiện lại phần đã rút yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng

Về án phí sơ thẩm: bà H phải chịu 150.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0015380 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới. Bà H được nhận lại số tiền 7.650.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: bà H phải chịu 800.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đã nộp theo danh sách chi ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới và chi phí đo đạc 4.400.000 đồng đã nộp theo hóa đơn ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú.

5. Bà H, ông B có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tâm Nhân